

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tùng.

2. Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thùy L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Trần Minh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

Chị L có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày: Chị với anh C chung sống vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh T vào ngày 14/8/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị đã sống ly thân với anh C. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 19/02/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 28/11/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Th và A, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2021, bị đơn anh C trình bày: Do anh làm ăn thất bát nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh xin chị L cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm gia đình. Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 19/02/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 28/11/2017. Nếu ly hôn anh yêu cầu anh và chị L mỗi người nuôi một người con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn xin vắng mặt. Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh C theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L với anh C chung sống vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh T vào ngày 14/8/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp. Chị L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn như trên nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh C. Anh C không đồng ý ly hôn, nhưng đến nay anh C cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, vợ chồng hiện nay không còn chung sống với nhau. Mặt khác, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh C.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai người con chung tên Trần Gia Th, sinh ngày 19/02/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 28/11/2017.

Xét yêu cầu nuôi hai cháu Th và A của chị L, thấy rằng: Hai cháu Th và A hiện nay đang sống ổn định với chị L. Mặt khác, theo xác nhận của Lãnh đạo Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T thì chị L có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu Th và A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Th và A, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu hai cháu Th và A cho chị L nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh C như phân tích ở trên.

[6] Xét chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu hai cháu Th và A nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này chị L có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thùy L ly hôn với anh Trần Minh C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Gia Th, sinh ngày 19/02/2015 và Trần Thiên A, sinh ngày 28/11/2017 cho chị Trần Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Trần Thùy L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006482 ngày 11/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị L đã thi hành xong án phí.

4. Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức